

I.3. THỦ TỤC XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Hướng dẫn chung:

- Người đã mất quốc tịch Việt Nam thì có thể được trở lại quốc tịch Việt Nam, nếu thuộc một trong những trường hợp sau:
 - i. Xin hồi hương về Việt Nam;
 - ii. Có vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ là công dân Việt Nam;
 - iii. Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam (được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành);
 - iv. Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (có tài năng thực sự vượt trội trong lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục, đã dành được giải thưởng quốc tế, huân chương, huy chương hoặc được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng và có cơ sở cho thấy việc người được nhập quốc tịch Việt Nam sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam sau khi được nhập quốc tịch Việt Nam);
 - v. Thực hiện đầu tư tại Việt Nam (có dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy tờ chứng nhận việc đầu tư đó);
 - vi. Đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài.
- **Người được trở lại quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài**, trừ trường hợp đặc biệt được Chủ tịch nước cho phép:
 - i. Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam;
 - ii. Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam;
 - iii. Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Người thuộc diện nêu trên cần đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- + có đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định;
 - + việc xin giữ quốc tịch nước ngoài của người đó khi trở lại quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó (*Lưu ý: Điều 26 – 38 Luật Quốc tịch của Áo có quy định cụ thể các trường hợp mất quốc tịch Áo khi nhập quốc tịch khác và được phép giữ quốc tịch Áo khi nhập quốc tịch khác. Công dân nên trao đổi bằng văn bản với các cơ quan chức năng của Áo trước khi làm thủ tục xin trở lại quốc tịch Việt Nam*);
 - + việc thôi quốc tịch nước ngoài dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước có quốc tịch bị ảnh hưởng;
 - + không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
 - Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được công chứng và hợp pháp hóa.
 - Giấy tờ là bản sao phải được chứng thực hoặc xuất trình bản bản chính để đối chiếu.
 - **Nghiêm cấm các hành vi sau:**
 - i. Dùng giấy tờ giả, giấy tờ bị sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung; khai báo không trung thực, có hành vi gian dối để làm thủ tục giải quyết các việc về quốc tịch;
 - ii. Dùng giấy tờ không còn giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam để chứng minh đang có quốc tịch Việt Nam;
 - iii. Lợi dụng thẩm quyền được giao để cấp giấy tờ về quốc tịch Việt Nam, giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ khác có ghi quốc tịch Việt Nam trái quy định của pháp luật; xác nhận không có cơ sở, không đúng sự thật về người xin trở lại quốc tịch Việt Nam;
 - iv. Lợi dụng việc trở lại quốc tịch Việt Nam và việc xin giữ quốc tịch nước ngoài khi được trở lại quốc tịch Việt Nam để xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam.

- **Đương sự nộp hồ sơ trực tiếp tại Đại sứ quán Việt Nam tại Áo, ký các văn bản trước mặt cán bộ lãnh sự bằng bút mực xanh, đồng thời xuất trình các giấy tờ gốc để đối chiếu.**
- Người làm đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cần ghi chính xác địa chỉ và số điện thoại liên lạc, tốt nhất là điện thoại cầm tay, để cán bộ xử lý có thể liên hệ khi cần thiết. Trong thời gian nộp hồ sơ, nếu có thay đổi địa chỉ và số điện thoại, người làm đơn cần thông báo cho Đại sứ quán.

Hồ sơ:

- 03 đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam theo mẫu TP/QT-2020-ĐXTQT.1 có dán ảnh chụp trong thời gian 06 tháng gần nhất;
- 03 bản khai lý lịch theo mẫu TP/QT-2020-BKLL có dán ảnh chụp trong thời gian 06 tháng gần nhất;
- 03 Bản chụp (Kopie) hộ chiếu/thẻ căn cước của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam (để chứng minh quốc tịch nước ngoài của người đó);
- 01 Phiếu lý lịch tư pháp (Führungszeugnis/Criminal record) do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp cho thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài, được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ. Văn bản này phải được hợp pháp hóa và dịch công chứng, sau đó bản dịch tiếp tục được hợp pháp hóa.
- 2 bản chụp (Kopie) Phiếu lý lịch tư pháp đã được dịch công chứng và hợp pháp hóa
- Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam:
 - + Giấy tờ chứng minh đã được Chủ tịch nước cho thôi quốc tịch hoặc bị tước quốc tịch Việt Nam (Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam, Quyết định tước quốc tịch Việt Nam);
 - + Giấy tờ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp, xác nhận, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam trước đây của người đó (ví dụ: Giấy khai sinh, Giấy xác nhận mất quốc tịch Việt Nam, Chứng minh nhân dân cũ, hộ chiếu cũ);
- Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam:
 - + Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có vợ, chồng (bản sao Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân), cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ (bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con) là công dân Việt Nam (bản sao hộ chiếu Việt Nam, giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam); hoặc
 - + Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam: Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm

thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành; hoặc

- + Giấy tờ chứng minh việc trở lại quốc tịch Việt Nam của người đó là có lợi cho Nhà nước CHXHCN Việt Nam: giải thưởng quốc tế, huân chương, huy chương trong lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục hoặc được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng và có cơ sở cho thấy việc người được trở lại quốc tịch Việt Nam sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam sau khi được trở lại quốc tịch Việt Nam; hoặc
- + Giấy tờ chứng minh việc thực hiện đầu tư tại Việt Nam: Giấy chứng nhận đầu tư của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam; hoặc
- + Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp xác nhận rõ về lý do không được nhập quốc tịch nước ngoài (đối với người xin trở lại quốc tịch Việt Nam vì lý do đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài). *Trong trường hợp không được nhập quốc tịch nước ngoài là do lỗi chủ quan của người đó (vi phạm pháp luật, không đáp ứng được tiêu chuẩn ngoại ngữ...) thì phải có văn bản bảo lãnh của một trong những người là cha, mẹ, vợ, chồng, con hoặc anh, chị, em ruột là công dân Việt Nam đang thường trú tại Việt Nam, kèm theo đơn của người đó tự nguyện về cư trú tại Việt Nam.*
- **Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải nộp thêm các giấy tờ sau:**
 - + Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp để chứng minh: (i) việc xin giữ quốc tịch nước ngoài khi trở lại quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước đó; (ii) việc thôi quốc tịch nước ngoài dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước có quốc tịch bị ảnh hưởng;
 - + Bản cam kết của đương sự về việc không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước CHXHCN Việt Nam.
- Lệ phí: chỉ thanh toán bằng tiền mặt.

Nhận kết quả:

- Sau khi Đại sứ quán nhận được thông báo từ trong nước về việc Chủ tịch nước cho phép người làm đơn được trở lại quốc tịch Việt Nam, Đại sứ

quán sẽ thông báo qua điện thoại để đương sự đến nhận kết quả trong thời gian sớm nhất.

- Khi đến nhận kết quả, đương sự cần nộp xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về việc đã mất quốc tịch nước ngoài (nếu có), trừ trường hợp được Chủ tịch nước cho phép được giữ lại quốc tịch nước ngoài.
- Quyết định trở lại quốc tịch Việt Nam được cấp bằng tiếng Việt. Trường hợp đương sự yêu cầu cấp 1 bản Quyết định trở lại quốc tịch bằng tiếng Đức, đương sự sẽ thanh toán chi phí cho bản tiếng Đức.
- Quyết định trở lại quốc tịch Việt Nam là cơ sở để đương sự nộp [đơn xin cấp hộ chiếu Việt Nam](#).

Liên hệ:

- **Giờ mở cửa: thứ hai và thứ tư hàng tuần từ 9:00h đến 12:00h**

- Đại sứ quán đóng cửa vào [các ngày nghỉ lễ của Việt Nam và Áo](#).
- Đại sứ quán không trả lời qua điện thoại các câu hỏi liên quan đến lãnh sự trong thời gian tiếp khách lãnh sự.

- **Địa chỉ:**

Botschaft Viet Nam

Felix-Mottl- Str. 20

1190 Wien, Österreich

- **Điện thoại:**

- Đại sứ quán trả lời qua điện thoại các câu hỏi liên quan đến lãnh sự vào các ngày thứ ba, thứ tư và thứ năm từ 14:00h đến 17:00h

+ Tiếng Việt và tiếng Anh: +43 – 1 – 3680 755 10

- **E-Mail: consular@vietnamembassy.at**